TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK HÀ
TỈNH KON TUM

Số: 76/2017/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đăk Hà, ngày 23 tháng 8 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 80/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017, giữa:

Người yêu cầu: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện Đăk Hà, tỉnh T. Chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã K, thành phố T, tỉnh T

Và anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện H, tỉnh T .

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Thanh T với chị Lê Thị Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T với chị Lê Thị Th thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- ***Về con chung***: Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có một con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Nguyễn Lê Trang M, sinh ngày 06/8/2013 cho chị Lê Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình.

Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- ***Về tài sản và nghĩa vụ tài sản:*** Anh, chị đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- ***Về lệ phí dân sự sơ thẩm:*** Áp dụng Điều 144; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4; Điều 5; Điều 6; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Lệ phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)* là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* người yêu cầu phải chịu. Những người yêu cầu thỏa thuận, chị Lê Thị Th nhận chịu số tiền này nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng),* theo biên lai số AA/2010/0009232 ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T. Chị Lê Thị Th đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện ;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND xã L, Huyện H;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN
Đã ký

Đoàn Thị Kim Anh